

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 3 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thu và bà Nguyễn Thị Hè;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đăng Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên;

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1977 (*vắng mặt*);

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1977 (*vắng mặt*);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con chưa thành niên của chị L, anh C): Cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008 (*vắng mặt*);

Các đương sự cùng đăng ký HKTT: Đội 12, khu phố X, phường L1, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Hiện anh C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp cho cháu T: chị Lê Thị L - Là mẹ đẻ.

- Những người tham gia tố tụng khác (người làm chứng): Bà Phan Thị H, sinh năm 1956; HKTT: Đội 12, khu phố X, phường L1, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (*Vắng mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn C quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Gia đình hai bên tổ chức đám cưới cho vợ chồng chị ngày

20/12/1998 âm lịch (dương lịch là đầu năm 1999). Đến ngày 28/10/2002 vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND phường M.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống cùng bố, mẹ anh C, đến năm 2007 thì ra ở riêng. Sau khi ra ở riêng, có thời gian vợ chồng chị ở trên nhà, đất của bố, mẹ chị cho tại phường L1, có thời gian đi thuê nhà trọ.

Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, theo thời gian mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do anh C không chịu tu chí làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Sau này khi anh C vi phạm pháp luật thì chị và gia đình mới biết anh C mắc nghiện ma túy từ lâu.

Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình đã nhiều phân tích, động viên, tạo điều kiện cho anh C cơ hội sửa chữa khuyết điểm nhưng anh đều bỏ ngoài tai. Trong một số lần vợ chồng mâu thuẫn, anh đã dùng vũ lực đối với chị để giải quyết mâu thuẫn.

Năm 2019, anh C vi phạm pháp luật và bị TAND tỉnh Hưng Yên xét xử, xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Mua bán ma túy. Hiện nay anh C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh đóng trên địa bàn xã N, Huyện Hoa Lư, Ninh Bình.

Sau khi anh C đi cải tạo tập trung tại Trại giam Ninh Khánh, chị đã 4 lần đến thăm, động viên. Lần gần đây nhất là tháng 8/2022, chị có nói chuyện, đề cập đến việc chị sẽ làm đơn ly hôn anh C. Khi đó anh C bảo tùy chị quyết định, muốn ly hôn thì cứ chủ động làm.

Thời gian qua, chị đã nhiều lần suy xét, nhìn nhận lại cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng và đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị quyết định làm đơn xin ly hôn anh C để hai bên giải thoát cho nhau.

*** Về con chung:** Chị và anh C có 03 con chung là cháu Trần Thị M1, sinh ngày 15/8/1999; cháu Trần Văn M2, sinh ngày 08/10/2002 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008.

Cháu M1 và cháu M2 đã thành niên, đã tự lập được cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T chưa thành niên, nếu được ly hôn, chị xin được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi cháu T.

*** Về tài sản:** Do hiện nay anh C đang chấp hành án nên nội dung này chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi anh C về, nếu chị và anh C không thỏa thuận được thì chị đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

*** Về án phí:** Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về kết hôn giống như chị L trình bày. Quá trình chung sống anh không hề đánh đập vợ con. Tuy nhiên do anh làm ăn kinh tế anh bị thua lỗ, mặc dù vợ chồng

có bàn bạc với nhau. Ngoài ra, anh cũng vi phạm pháp luật, mắc nghiện ma túy, bị Tòa án dân tỉnh Hưng Yên xử phạt hơn 8 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Đây là những nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh mâu thuẫn. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định vợ chồng không tiếp tục chung sống cùng nhau nữa nên đồng ý ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có ba con chung là cháu Trần Thị M1, sinh ngày 15/8/1999; cháu Trần Văn M2, sinh ngày 08/10/2002 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008. Cháu M1 và cháu M2 đã thành niên, đã tự lập được cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con sau ly hôn. Cháu T chưa thành niên, anh được biết cháu có nguyện vọng ở với mẹ thì anh đồng ý giao cháu T cho mẹ nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh đang đi chấp hành án.

Về tài sản: Do hiện nay anh đang chấp hành án nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến đề nghị khác: Hiện tại anh đang chấp hành án nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án; đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh, khi có bản án thì đề nghị Tòa án gửi bản án cho anh tại nơi anh đang chấp hành án.

Tại biên bản lấy lời khai con chung chưa thành niên của anh C, chị L: Cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008 trình bày quan điểm có nguyện vọng được ở với mẹ.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, do bị đơn đang chấp hành án phạt tù, nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Trước khi mở phiên tòa, các đương sự, người làm chứng đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008 cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị L và anh C không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Văn C và đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh C đăng ký HKTT tại: Đội 12, khu phố X, phường L1, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Hiện anh C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh thuộc tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Các đương sự và người làm chứng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị L và anh Trần Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã Hưng Yên (nay là thành phố Hưng Yên) ngày 28/10/2002, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không chịu tu chí làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ, con; mắc nghiện ma túy dẫn đến vi phạm pháp luật. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích, động viên, tạo điều kiện cho anh C cơ hội sửa chữa khuyết điểm nhưng anh đều bỏ ngoài tai. Một số lần vợ chồng mâu thuẫn, anh đã dùng vũ lực đối với chị để giải quyết mâu thuẫn.

Anh C thừa nhận anh có vi phạm pháp luật, mắc nghiện ma túy, nhưng anh không hề đánh đập vợ con. Ngoài ra, anh cũng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh làm ăn kinh tế thua lỗ.

Kết quả xác minh, thu thập các tài liệu cho thấy: Năm 2005, anh C phạm tội đánh bạc, bị Tòa án nhân dân thị xã Hưng Yên xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Năm 2019 anh C vi phạm pháp luật và bị TAND tỉnh Hưng Yên xử phạt 8 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Từ lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ của Tòa án cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh C, anh C cũng nhất trí ly hôn, do vậy yêu cầu xin được ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị L và anh C đều xác định có 03 con chung là cháu Trần Thị M1, sinh ngày 15/8/1999; cháu Trần Văn M2, sinh ngày 08/10/2002 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008. Trong đó, cháu M1, cháu M2 đã thành niên, tự nuôi sống được bản thân nên anh C và chị L không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đã thành niên sau khi ly hôn. Cháu T chưa thành niên, chị L có nguyện vọng được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C cũng nhất trí giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng vì hiện tại anh đang chấp hành án phạt tù. Cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Yêu cầu của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L.

[2.3] *Về tài sản*: Chị L và anh C đều không đề nghị giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 10/02/2008 cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị L và anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001289 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hưng Yên;
- UBND xã L, TP Hưng Yên (ĐKKH số 58, ngày 04/11/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị
Bích Thu**

Nguyễn Thị Hệ

Vũ Thị Kim Anh

Tại biên bản xác minh ngày 23/2/2023 ở khu phố Xích Đằng phường Lam Sơn Thành phố Hưng Yên thì Tòa án Nhân dân thành phố Hưng Yên đã được đại diện khu phố Xích Đằng phường Nam Sơn cung cấp nội dung xác minh việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Luyến và anh Trần Văn Cường như sau: chị Lê Thị Luyến sinh năm 1977, anh Trần Văn Cường sinh năm 1977 cùng có hộ khẩu thường trú tại đội 12 khu phố Xích Đằng phường Lam Sơn Thành phố Hưng Yên. Quá trình cư trú tại địa phương thì anh Cường làm nghề tự do, chị Luyến buôn bán hoa quả thường ngày hai vợ chồng anh Cường chị Luyến đi làm cả ngày thời gian cư trú ở địa phương thì anh Cường chị Luyến chưa lần nào đề nghị tổ hòa giải cơ sở Hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng nên khu phố không nắm bắt được vợ chồng có mâu thuẫn hay không, vợ chồng chỉ có ba con chung hiện tại anh Trần Văn Cường vì phạm pháp luật hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy đang chấp hành hình phạt tại trại giam, còn chấp hành ở trại giam nào thì khu phố không nắm bắt được. Thời điểm anh Cường vì phạm pháp luật vào khoảng năm 2019 ngoài ra khu phố Xích Đằng phường Lam Sơn không còn thông tin nào khác về vợ chồng anh Cường chị Luyến.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 14 tháng 03 năm 2023. Tòa án Nhân dân thành phố Hưng Yên đã đến ngõ 78 Bãi Sậy Minh Khai nơi cư trú của bà Đỗ Thị Ngọc mẹ đẻ anh Trần Văn Cường để tiến hành lấy lời khai của bà Ngọc nhằm làm rõ thêm nội dung vụ việc. Chị Luyến xin ly hôn anh Cường tại tòa án. Tuy nhiên nhiều lần đến nơi cư trú của bà Ngọc nhưng bà Ngọc đều không có nhà nên tòa án không lấy được lời khai của bà Ngọc theo đại diện Tổ dân phố thì bà Ngọc hiện đi phụ xây Tới muộn mới về đến nhà nhiều lần tổ dân phố muốn gặp bà Ngọc để gửi các giấy tờ cho bà Ngọc. Như thẻ khám chữa bệnh cũng nhưng cũng không gặp được bà Ngọc.